

Chương VI

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ

Bài 10

CÁCH MẠNG KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HOÁ NỬA SAU THẾ KỈ XX

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Hiểu và trình bày được nguồn gốc, đặc điểm, những thành tựu chủ yếu và tác động của cách mạng khoa học – công nghệ thời kì sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Như một hệ quả tất yếu của cách mạng khoa học – công nghệ, xu thế toàn cầu hoá đã diễn ra mạnh mẽ trong những năm cuối thế kỉ XX.

2. Về kĩ năng

Rèn luyện phương pháp tư duy phân tích, so sánh và liên hệ thực tế.

3. Về thái độ

– Thấy rõ ý chí vươn lên không ngừng và sự phát triển không có giới hạn của trí tuệ con người đã làm nên biết bao thành tựu kì diệu, những tiến bộ phi thường. Tất cả nhằm phục vụ cuộc sống ngày càng đòi hỏi chất lượng cao của con người.

– Từ đó, nhận thức : Tuổi trẻ Việt Nam ngày nay phải cố gắng học tập và rèn luyện, có ý chí và hoài bão vươn lên để trở thành những con người được đào tạo có chất lượng, đáp ứng những yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ ngày nay có nội dung hết sức rộng lớn, vì vậy GV cần nắm vững bài để chủ động nêu lên được những vấn đề quan trọng nhất. GV nên khuyến khích HS tự học và chủ động tìm đọc sách báo, tài liệu có liên quan, nhất là những tiến bộ về khoa học – kĩ thuật gần đây.

So với SGK cũ, bài này có một mục mới là "Xu thế toàn cầu hoá và ảnh hưởng của nó". Đây là một vấn đề còn khá mới, GV cần có sự gia công chuẩn bị.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

Một số tranh, ảnh, phim tư liệu,... liên quan tới cách mạng khoa học – công nghệ.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Mở bài

GV có thể nêu một thành tựu khoa học – công nghệ gần đây nhất để mở đầu bài giảng, hoặc nói về các cuộc thi "Trí tuệ Việt Nam", nhất là những cuộc thi Robocon Việt Nam,...

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Cuộc cách mạng khoa học – công nghệ

Những ý chính của mục này là :

– Nguồn gốc của cách mạng khoa học – công nghệ (cũng như cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX) là nhằm giải quyết những đòi hỏi của sản xuất và cuộc sống con người về công cụ sản xuất, các nguồn năng lượng và những vật liệu mới.

– Đặc điểm của cách mạng khoa học – công nghệ. Lưu ý : GV cần giải thích cho HS biết về nội dung của khái niệm "công nghệ".

– Những thành tựu tiêu biểu của cách mạng khoa học – công nghệ.

– Những tác động tích cực và tiêu cực (chủ yếu do con người gây ra) về kinh tế, xã hội và môi trường, nhất là hiện tượng Trái Đất nóng dần lên.

Mục II – Xu thế toàn cầu hoá và ảnh hưởng của nó

Đây là một nội dung quan trọng nhưng trong khuôn khổ của chương trình và SGK chỉ nêu những nét khái quát. GV cần giúp HS nắm được những điểm chính về toàn cầu hoá :

– Toàn cầu hoá là một xu thế tất yếu của sự phát triển.

– Bản chất của toàn cầu hoá và đây là toàn cầu hoá về kinh tế.

– Quá trình diễn tiến của toàn cầu hoá.

– Những biểu hiện chủ yếu của toàn cầu hoá.

– Những mặt tích cực và hạn chế của toàn cầu hoá.

GV có thể tham khảo :

Với sự xác lập của chủ nghĩa tư bản, nhất là khi hình thành thị trường thế giới, đã xuất hiện xu thế *quốc tế hoá*. Nhưng từ đầu những năm 80, đặc biệt từ những năm 90, người ta gọi đó là xu thế *toàn cầu hoá*. Cách gọi khác nhau đó là có lí do : Quốc tế hoá là chỉ hoạt động kinh tế của một nước đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia, từ đó làm cho hoạt động kinh tế và vận hành kinh tế vượt ra khỏi biên giới quốc gia. Và từ sau Chiến tranh lạnh, kinh tế thế giới toàn cầu hoá phát triển mạnh mẽ với sự thúc đẩy to lớn của cách mạng khoa học – công nghệ, nhất là tin học và công nghệ thông tin, đồng thời là xu thế phát triển đa cực hoá của cục diện thế giới. Nền kinh tế các nước phải được đặt trong phạm vi lớn của thị trường thế giới, gắn liền ít nhất với ba yếu tố : *một là* thông tin hoá, *hai là* thị trường hoá, *ba là* xuyên quốc gia hoá sự lưu thông tự do của các yếu tố sản xuất như vốn, công nghệ mới v.v..

3. So kết bài học

GV nhắc lại và nhấn mạnh các ý chính sau :

- Nguồn gốc và đặc điểm của cách mạng khoa học – công nghệ.
- Những tác động của cách mạng khoa học – công nghệ và xu thế toàn cầu hoá.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. HS dựa vào SGK để trả lời.

Câu 2. Vì sao nói : Toàn cầu hoá vừa là thời cơ, vừa là thách thức đối với các nước đang phát triển ?

Đây là câu hỏi có tính suy luận, đòi hỏi HS suy nghĩ và có tư duy phân tích cũng như những hiểu biết xã hội. Có thể thực hiện theo gợi ý sau :

- *Về thời cơ:*
 - + Từ sau Chiến tranh lạnh, hoà bình thế giới được củng cố, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi, xu thế chung của thế giới là hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển.
 - + Các quốc gia đều ra sức điều chỉnh chiến lược phát triển và lấy kinh tế làm trọng điểm, cùng sự tăng cường hợp tác và tham gia các liên minh kinh tế khu vực và quốc tế.
 - + Các nước đang phát triển có thể khai thác các nguồn vốn đầu tư, kĩ thuật công nghệ và kinh nghiệm quản lí từ bên ngoài, nhất là các tiến bộ khoa học –

kĩ thuật, để có thể "đi tắt đón đầu" rút ngắn thời gian xây dựng và phát triển đất nước,...

Như thế, bối cảnh chung của thế giới là ổn định, tạo nhiều cơ hội và thuận lợi cho các nước trong công cuộc phát triển đất nước. Vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải có tầm nhìn và không bỏ lỡ thời cơ.

– *Về thách thức*

+ Các nước đang phát triển cần nhận thức đầy đủ tính tất yếu của toàn cầu hoá và tìm kiếm con đường, cách thức hợp lí nhất trong quá trình hội nhập quốc tế – phát huy thế mạnh ; hạn chế tới mức thấp nhất những rủi ro, bất lợi và cả sai lầm để có những bước đi thích hợp, kịp thời.

+ Phần lớn các nước đang phát triển đều từ điểm xuất phát thấp về kinh tế, trình độ dân trí thấp, hạn chế nhiều về nguồn nhân lực chất lượng cao.

+ Sự cạnh tranh quyết liệt của thị trường thế giới và các quan hệ kinh tế quốc tế còn nhiều bất bình đẳng, gây nhiều thiệt hại đối với các nước đang phát triển.

+ Vấn đề sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay nợ.

+ Vấn đề giữ gìn, bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc, kết hợp hài hoà giữa truyền thống và hiện đại v.v...

+ Những nguy cơ về ô nhiễm môi trường (khí hậu, nguồn nước, đất đai, xử lí chất thải,...).

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật hiện đại đã trải qua hai giai đoạn :

Giai đoạn đầu từ những năm 40 đến đầu những năm 70 với những đặc trưng cơ bản là :

– Sự phát triển của ngành năng lượng mới ;

– Những vật liệu mới cho phép đổi mới và chế tạo những máy móc mới, trong đó có các tên lửa cực mạnh, mở ra kỉ nguyên chinh phục vũ trụ ;

– Cách mạng sinh học ;

– Máy tính có thể làm từ hàng triệu đến vài tỉ phép tính trong một giây.

Giai đoạn thứ hai từ khoảng giữa những năm 70, bắt đầu có những đặc điểm mới. Đó là *cuộc cách mạng chủ yếu về công nghệ* với sự ra đời của thế hệ máy tính điện tử mới, được sử dụng trong mọi hoạt động kinh tế và đời sống xã hội, về vật liệu mới, về những dạng năng lượng mới và công nghệ sinh học, về phát triển tin học.

Việc áp dụng những công nghệ hoàn toàn mới đã tạo điều kiện cho sản xuất phát triển theo chiều sâu, giảm tiêu hao năng lượng và nguyên liệu, giảm tác hại đến môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển sản xuất. Trong giai đoạn này, cách mạng tin học, máy tính thay thế nhiều chức năng của lao động trí óc.

Cuộc *cách mạng công nghệ* trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học – kĩ thuật và đã thu được những thành tựu kì diệu. Công nghệ được hiểu tổng quát là tập hợp công cụ – phương tiện nhằm biến đổi nguồn lực tự nhiên thành sản phẩm hàng hoá. Công nghệ làm tăng khả năng cơ bắp và trí tuệ con người, làm cho thiên nhiên trở nên có ích cho cộng đồng, cuộc sống trở nên dễ chịu. Vì vậy, *công nghệ được coi là chìa khoá* cho sự phát triển kinh tế, tạo lập một xã hội phồn vinh.

Công nghệ cũng được hiểu cụ thể là kĩ năng và các thủ tục nhằm chế tạo, sử dụng những sản phẩm. Ngoài ra, công nghệ còn bao hàm cả kĩ năng quản lí, tổ chức, tài chính và tiếp thị,...

Như vậy, theo sự thống nhất của các tổ chức quốc tế về công nghiệp – công nghệ thì công nghệ được thể hiện trong bốn thành phần : phần thiết bị (máy móc, kết cấu xây dựng, nhà xưởng) ; phần con người (đội ngũ nhân lực đã vận hành, điều khiển và quản lí dây chuyền thiết bị v.v.) ; phần thông tin (tư liệu, dữ kiện, bản mô tả sáng chế, bí quyết,...) ; phần quản lí – tổ chức (các hoạt động, tạo lập mạng lưới, tuyển dụng nhân lực, trả lương,...).

Do đó, công nghệ nhất thiết phải chứa đựng hàm lượng về trí tuệ, thông minh, cải tiến để đem lại hiệu quả cao trong cuộc sống.

(Vũ Dương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử văn minh thế giới*,
NXB Giáo dục, H., 1998, tr. 349 – 350)

2. Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (còn gọi là cách mạng tin học) đối với tình hình quốc tế rất to lớn, đưa đến sự phát triển vượt bậc hơn của lực lượng sản xuất thế giới, làm thay đổi cơ cấu nền kinh tế toàn cầu và dẫn đến những thay đổi rộng lớn về chính trị – xã hội các nước. Đặc biệt, cách mạng tin học đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình toàn cầu hoá, liên kết khu vực và liên châu lục, làm xuất hiện ngày càng nhiều thể chế đa phương. Quá trình giao lưu và thâm nhập kinh tế qua lại giữa các quốc gia ngày càng sôi động và chặt chẽ. Tiền vốn, công nghiệp, thông tin, hàng hoá,... hầu như không còn bị cản trở bởi các ranh giới quốc gia. Không gian và thời gian dường như được thu hẹp lại. Sự tuỳ thuộc lẫn nhau, trước hết là về kinh tế, ngày càng trở nên sâu sắc

đi đôi với sự cạnh tranh gay gắt, nguy cơ tụt hậu, thậm chí bị bỏ rơi, càng gay gắt. Trong bối cảnh đó, các nước đều thi hành chính sách mở cửa, gia tăng sự hội nhập vào khu vực và thế giới ; tiếp tục điều chỉnh chính sách để thích nghi với sự cạnh tranh toàn cầu, đồng thời xử lý mâu thuẫn giữa quá trình toàn cầu hoá với lợi ích và chủ quyền của mỗi quốc gia.

Trào lưu hội nhập cuốn hút không chỉ các nước công nghiệp phát triển mà cả những nước đang phát triển. Đây là thách thức to lớn, nhất là với những nước chậm phát triển, vì trong thời đại ngày nay không hội nhập được với khu vực và thế giới sẽ dẫn đến hệ quả tất yếu là bị loại ra ngoài cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu với tất cả những hậu quả của nó ; nhưng hội nhập thì sẽ chịu sự cạnh tranh với những thách thức mới. Vì lợi ích phát triển, các nước nói chung đều phải chấp nhận sự cạnh tranh này, đều tăng cường giao lưu quốc tế và hội nhập, mặt khác cố gắng giữ gìn bản sắc, truyền thống văn hoá dân tộc. Cả hai quá trình này đang diễn ra rất mạnh mẽ.

(Học viện Quan hệ Quốc tế, Hỏi – Đáp về tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, NXB Chính trị quốc gia, H., 1997, tr. 14 –15)